

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-PT
Ngày: 20/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Minh Tự

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2022/TLPT - HS, ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo Tạ Văn T, Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS – ST, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Tạ Văn T, sinh năm 1978; tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Đ, sinh năm: 1954 và bà Trần Thị P, sinh năm: 1957; Không có vợ con; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2021 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Tạ Minh T: Luật sư Nguyễn Hoàng O, văn phòng Luật sư S, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp Y, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1959; vợ Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1994; 01 người con sinh năm 2016; tiền sự: Không có; tiền án: Không có; nhân thân:

Tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2021 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không có kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Tạ Văn T có nuôi đàn vịt chạy đồng với số lượng 2.740 con (loại vịt cò đang trong giai đoạn đẻ trứng). Bị cáo T thuê bị cáo Nguyễn Văn Q (tên gọi khác là Diêu) để trông giữ đàn vịt. Khoảng tháng 4/2021, bị cáo T và bị cáo Q di chuyển đàn vịt từ huyện T, tỉnh Trà Vinh đến nuôi, nhốt đàn vịt gần nhà của Thạch K, tại ấp B, xã CD, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hàng ngày bị cáo T và bị cáo Q lùa đàn vịt đến đất ruộng của bà Thạch Thị P, tại ấp CH, xã CD, huyện C, tỉnh Trà Vinh để cho vịt ăn lúa rụng, đến chiều thì lùa đàn vịt về nơi nuôi, nhốt.

Khoảng 13 giờ ngày 02/5/2021, bị cáo T đi lại khu vực thả vịt của bị cáo do bị cáo Q trông giữ, bị cáo T phát hiện đàn vịt của bị hại ông Nguyễn Văn H đang cho vịt ăn trên đất ruộng của ông Trịnh Văn T thuộc ấp CH, xã CD, huyện C. Khoảng cách giữa đàn vịt của ông H với đàn vịt của bị cáo T khoảng 700 mét, trong khi đó đàn vịt của ông H chỉ rào lưới giới hạn khu vực cho vịt ăn mà không có ai trông giữ. Lúc này, bị cáo T nhìn thấy vịt của ông H có đặc điểm giống với vịt của bị cáo nên bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp vịt của ông H rồi cho nhập vào đàn vịt của bị cáo T để nuôi lấy trứng. Sau đó, bị cáo T rủ bị cáo Q cùng thực hiện hành vi trộm cắp vịt của ông H và nói chia đôi giá trị vịt trộm cắp được thì bị cáo Q đồng ý. Bị cáo T và bị cáo Q cùng đi đến nơi đàn vịt của ông H, bị cáo T kêu bị cáo Q đi vào bên trong khu vực đàn vịt của ông H để chặn và lùa vịt, còn bị cáo T hạ lưới giới hạn khu vực cho vịt ăn của ông H một đoạn khoảng 1,5 mét để lùa vịt ra bên ngoài. Hạ lưới xong bị cáo T đi vào bên trong cùng bị cáo Q chặn lùa được một số vịt ra khỏi khu vực lưới giới hạn, bị cáo T kéo lưới lại như ban đầu và cả hai bị cáo cùng lùa số vịt trộm cắp được về chỗ đàn vịt của bị cáo T. Sau đó, kiểm tra số vịt trộm cắp của ông H là 322 con (trong đó có 06 con vịt trống) cho nhập vào đàn vịt của bị cáo T. Bị cáo T sợ chủ vịt dễ phát hiện vịt trống bị mất nên bị cáo T và bị cáo Q chặn bắt 06 con vịt trống thả lại chỗ đàn vịt của ông H. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo T và bị cáo Q lùa đàn vịt của bị cáo T và số vịt vừa trộm cắp được của ông H về nơi nuôi, nhốt gần nhà ông Thạch K. Đến ngày 03/5/2021, ông H phát hiện đàn vịt của mình bị mất trộm khoảng 530 con, ông H có đến nơi nuôi, nhốt vịt của bị cáo T, kiểm tra đàn vịt của bị cáo T hiện có 2.992 con, nhưng ông H không phát hiện được vịt của ông H có trong đàn vịt của bị cáo T nên đã trình báo cơ quan Công an.

Quá trình làm việc, bị cáo Tạ Văn T và Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Đối với Dương Chí T vào tháng 03/2021 T đã bán đàn vịt của T cho bị cáo T với số lượng là 2.740 con với số tiền là 120.000.000 đồng, bị cáo T trả cho T số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng. Vào ngày 03/5/2021, ông H phát hiện bị mất khoảng 530 con vịt thì ông H có nhờ T đến chuồng vịt của bị cáo T để phụ giúp ông H kiểm tra xem vịt của ông H bị mất có nhập vào đàn vịt của bị cáo T không thì Thanh đồng ý. Sau khi kiểm, đếm đàn vịt có số lượng 2.992 con thì T biết vịt của ông H có trong đàn vịt của bị cáo T nhưng không nói cho ông H biết và không tố giác sự việc với Cơ quan Công an. Do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T và Q bị khởi tố theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên hành vi trên của Dương Chí T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Không tố giác tội phạm*” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự, Cơ quan điều tra tiến hành giáo dục và cho T làm cam kết không tái phạm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 25/BKL-HĐĐG ngày 01/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè xác định giá trị tài sản thiệt hại là 322 con vịt, tổng giá trị thành tiền là 27.370.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã tiến hành kiểm tra, ghi nhận đặc điểm tài sản thiệt hại để làm căn cứ giải quyết và thu hồi tài sản trao trả cho bị hại. Tuy nhiên, do vịt của ông H và vịt của bị cáo T có đặc điểm giống nhau nên không thể nhận dạng và phân loại được nên ông H thỏa thuận thống nhất giao số vịt này cho bị cáo T và bị cáo Q tiếp tục quản lý. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2022/HS-ST, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử.

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/02/2022 các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tạ Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh là đúng với hành vi của các bị cáo, các bị cáo không kháng cáo về tội danh và giữ y kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận vào ngày 02/5/2021, hai bị cáo trực tiếp đến trộm vịt của bị hại ông Nguyễn Văn H tổng số là 322 con vịt, tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 27.370.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo Tạ Văn T 01 tù và bị cáo Nguyễn Văn Q 09 tháng tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án và áp dụng tất cả các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo như thật thà khai báo, ăn năn, hối cải, hai bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền cho bị hại theo điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị hại có đơn gởi cho tòa cấp phúc thẩm xin bãi nại cho hai bị cáo được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh hai bị cáo khó khăn, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy hai bị cáo là nông dân lao động nghèo có cuộc sống khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng nếu như không áp hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục hai bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q. Sửa bản án hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo Tạ Văn T trình bày: Thống nhất với bản án sơ thẩm về tội danh đã xét xử hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy sau khi phạm tội hai bị cáo thật thà khai báo, ăn năn, hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi vụ án xảy ra hai bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền cho bị hại mức khắc phục cao hơn số tiền thiệt hại do phạm tội và bị hại đã làm đơn xin bãi nại cho hai bị cáo được hưởng án treo, hai bị cáo là nông dân lao động nghèo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q: Hai bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận vào ngày 02/5/2021, hai bị cáo trực tiếp đến trộm vịt của bị hại ông Nguyễn Văn H tổng số là 322 con vịt, tổng giá trị thành tiền theo kết luận định giá là 27.370.000 đồng, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên án sơ thẩm quy kết hai bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ sự tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để làm tài sản của bản thân nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, khi áp dụng hình phạt cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá, xem xét vai trò của từng bị cáo, áp dụng đầy đủ cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, ăn năn, hối cải, hai bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi vụ án xảy ra hai bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền cao hơn số tiền thiệt hại trong vụ án, hai bị cáo là nông nhân lao động nghèo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi xét xử sơ thẩm bị hại có làm đơn gửi Tòa án cấp phúc thẩm xin bãi nại và xin cho hai bị cáo được hưởng án treo, nên được xem đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới tại phiên tòa phúc thẩm, nếu không áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục các bị cáo thành người tốt, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo, sửa án sơ thẩm áp dụng Điều 65 bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng án treo. Việc sửa án sơ thẩm là do tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới đây là do khách quan không do lỗi chủ quan của thẩm phán.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm và quan điểm của vị Luật sư đề nghị sửa án sơ thẩm cho hai bị cáo hưởng án treo là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; xét thấy các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q xin hưởng án treo.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn T, bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tạ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Bị cáo Tạ Văn T và bị cáo Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành